

BÁO CÁO PHÂN TÍCH
Ngành
VẬN TẢI BIỂN

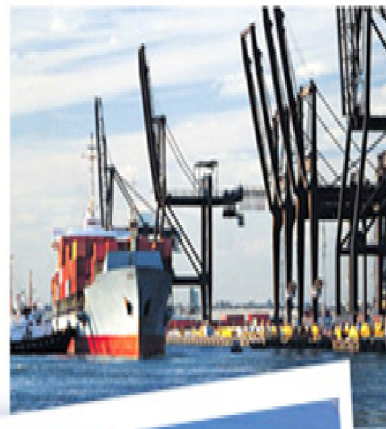


BỘ PHẬN PHÂN TÍCH – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2008

TÓM TẮT

- Thị trường dịch vụ vận tải biển Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng trong vòng 15 năm trở lại đây, đặc biệt sau khi mở cửa, hình thành và phát triển kinh tế thị trường, đặc biệt là sau khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu vận tải biển tăng khoảng 8% năm là tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng khoảng 20% đến 25% năm. Giao thông hàng hóa tăng trưởng nhanh chóng, và trong đó chủ yếu là vận chuyển bằng đường biển (khoảng 80% tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển) là nền tảng quan trọng trong phát triển ngành vận tải biển của Việt Nam.
- Với 3.200 km bờ biển, 90 cảng biển được phân bố đều trên cả ba miền, Việt Nam có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển. Cùng với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của thị trường dịch vụ vận tải biển Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên vận tải biển Việt Nam vẫn còn những hạn chế, đặc biệt là về cơ sở hạ tầng, tuy nhiên vận tải biển Việt Nam vẫn có những ưu thế, đặc biệt là về vị trí địa lý và nguồn nhân lực. Đây là những thách thức lớn đối với ngành vận tải biển non trẻ của Việt Nam trước các thị trường cạnh tranh quốc tế.
- Nhìn nhận từ thực tiễn và các nghiên cứu, các chuyên gia dự báo rằng ngành vận tải biển sẽ có những chuyển biến tích cực và thông qua bao gồm việc phát triển và xây dựng các cảng biển mới, sâu có khả năng tiếp nhận các tàu trọng tải lớn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng và phát triển ngành đóng tàu biển nhằm nâng cao vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị vận tải biển lên tới hơn 50% tổng giá trị xuất khẩu của quốc gia.
- Tuy còn nhiều bất cập trong các khâu phát triển nhưng cơ bản toàn ngành vận tải biển, chúng tôi nhận thấy những chuyển biến tích cực của ngành vận tải biển Việt Nam.



TỔNG QUAN VỀ NGÀNH VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

1. Giới thiệu

Viet Nam có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng với tốc độ gần 20%/năm tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu lên hơn GDP.

Là một nền kinh tế đang phát triển năng động, Việt Nam có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng với tốc độ gần 20%/năm, tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu lên hơn GDP. Tốc độ tăng trưởng phát triển mạnh mẽ thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của các dịch vụ hàng hải gồm khai thác cảng, kho bãi, vận tải, dịch vụ kho vận trong 15 năm qua.

Các công ty kho vận - vận tải biển Việt Nam hiện nay chủ yếu có thể phục vụ các mặt hàng nhu cầu thiết yếu trong nước.

Tuy nhiên, theo một số nghiên cứu, hiện tại, các công ty kho vận - vận tải biển Việt Nam hiện nay chủ yếu chỉ phục vụ các mặt hàng nhu cầu thiết yếu trong nước. Bên cạnh đó, công tác vận tải kho bãi cách khá khác biệt giữa các công ty kho vận - vận tải biển nước ngoài / liên doanh so với các công ty kho vận - vận tải biển Việt Nam, và giữa khu vực phía nam và phía còn lại của quốc gia. Phí kho vận - vận tải biển Việt Nam tương đối thấp, tuy nhiên dịch vụ vận chuyển đánh giá là kém an toàn. Các công ty trong nước đang rất khó khăn trong việc chỉ đạo làm việc trên thị trường.

Chính phủ trong việc tập trung phát triển ngành vận tải biển.

Cùng với các tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế và nhu cầu ứng dụng của chính phủ trong việc tập trung phát triển ngành vận tải biển, năm 2010, thành phần vận chuyển hàng hóa XNK của ngành vận tải biển Việt Nam chiếm tới 25%.

1.1 Các vận tải

Cơ sở hạ tầng kho vận - vận tải biển Việt Nam chưa được phân bổ hợp lý. Cảng, hệ thống giao thông không đồng bộ, vận tải hàng không còn yếu kém.

Hiện tại, cơ sở hạ tầng kho vận - vận tải biển Việt Nam chưa được phân bổ hợp lý. Một số cảng biển chỉ thích hợp cho các tàu vận tải container, tuy nhiên năng lực cho phép tiếp nhận các tàu nhỏ. Hiện tại vẫn còn thiếu hụt các công cụ xử lý container hiện đại và kinh nghiệm trong việc xếp, bốc dỡ container. Hệ thống giao thông không được thích hợp cho vận tải container, trong khi các xe tải container thì đã quá lỗi thời. Ngành sản xuất chế biến đóng vai trò trong vận tải container vì vận chuyển chế biến hàng hóa. Vận tải hàng không trở nên thiếu nghiêm trọng trong mùa vụ cao điểm. Các sân bay quốc tế như Nội Bài, Tân Sơn Nhất, là những điểm vận chuyển có công suất tiếp nhận hàng hóa hoặc khu vực cho các dịch vụ kho vận bốc dỡ hàng hóa.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

*Thi u h t ngu n nhâ
l c trong các ho t ng
kho v n c ng là m t v n
áng quan tâm.*

Ngoài ra vì c thi u h t ngu n nhân l c trong các ho t ng kho v n c ngu là m t v n áng quan tâm. Theo Hi p h i v n t i Vi t Nam (VIFAS), trong s 140 thành viên c a h , nhi u hay ít, u có kho ng 4.000 ng i lao ng chính (full time) và kho ng 4.000 n 5.000 lao ng bán th i gian (part time). Ngu n nhân l c cho ngành c ào t o b i nhi u ngu n. Các nhân viên qu n lý c p cao cho các công ty v n t i - kho v n u c ào t o t t, và c ào t o l i áp ng c các yêu c u công vi c. Lao ng gián ti p u t t nghi p i h c nh ng h u h t u không t các tr ng o t o chuyên ngành. Ng i lao ng tr c ti p thì có trình h c v n th p và không quen v i môi tr ng làm vi c chuyên nghi p. S y u kém này là k t qu c a các công ngh ang s d ng r t l c h u.

*H u h t các công ty v n
t i và kho v n u có quy
mô nh và trung bình*

H n n a, h u h t các công ty v n t i và kho v n u có quy mô nh và trung bình. M t vài công ty là r t nh , v i v n ch s h u kho ng vài tr m tri u VND. Các công ty nhà n c c u t nh ng vì c tích l y v n và phát tri n kinh doanh l i kém hi u qu . Do ó, r t nhi u công ty nhà n c v i kinh nghi m làm vi c n 30 n m, v n u t l n, trang b y , kho bãi r ng l n và i ng làm vi c ông o l i không m nh cung c p các d ch v kho v n ho c tích h p d ch v v n t i a qu c gia khác. Quy mô c a các công ty Vi t Nam là quá nh , n ng l c cho c nh tranh toàn c u và kh n ng marketing qu c t còn y u. T th c t nh v y, *chúng ta khó có th cung c p d ch v kho v n các qu c gia khác ho c chỉ m l nh th ph n trong n c.*

*Trình công nghệ thuật
và phương pháp quản lý
khoa bài còn lại của nhà.*

V n c u i c ù ng là tr ì nh c ò ng ngh ã p. Theo VIFFAS, c ò ng ngh ã v n V i t Nam là r t y u s o v i các n c tr ê n th ã i. Các h p ã ng ã các c ò ng ty v n t i và kho v n v i các khách hàng v c b n v n c trao i qua ã ng th truy n th ã ng. Trong khi, các n c trong khu v c nh Singapore, Thailand và Malaysia ã á p d ã ng c ò ng ngh *trao i s li u i n t* (EDI) cho ph é p các i tác li ê n l c i n t và th c hi ê n các th t c m t cách nhanh chóng. Trong v n chuy n a ph ã ng t i n, s ph i h p v i các lo i ph ã ng t i n, ã ng th y, ã ng sông, ã ng b , hàng không là r t y u kém. C s h t ã ng giao thông l c h u, do ó hi u qu k ã nh doanh là r t th p. V i c b c x p v n ph n l n s d ã ng nh â n c ò ng mà ch a a các c ò ng ngh b c x p t ã ng – tiên t i n vào s d ã ng. Ph ã ng pháp qu n lý kho b i còn l c hâu và v n ch a á p d ã ng các c ò ng ngh t i n h c nh v i c qu n lý b ã ng mã v ch.

1.2 Gi i pháp phát tri n

Mặc dù còn có nhiều khó khăn, nhưng với những hướng ứng trong việc khai thác tiềm năng về thiên nhiên và nguồn giá trị nhanh chóng, khu vực ven biển – kho ven Vĩt Nam đang phát triển rất mạnh mẽ. Thêm vào đó là sự hỗ trợ của chính phủ, các công ty ven biển, kho ven đang chuyển biến tích cực nhằm tranh thủ các cơ hội trong thời gian tới và đóng góp vào sự phát triển chung của ngành công nghiệp ven biển và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

2. Cấu trúc ngành

Ngành vận tải biển Việt Nam được chia làm nhiều loại dịch vụ cơ bản, bao gồm:

2.1. Khai thác cảng

Hình 1: Phân bố các cảng biển Việt Nam



Nguồn: JICA – Japan International Corporation Agency

Việt Nam có chiều dài bờ biển là 3.200km, cùng với nhiều cửa biển sâu, rộng, Việt Nam có thiên nhiên thuận lợi cho sự phát triển của ngành công nghiệp vận tải biển. Hiện nay, toàn quốc có trên 90 cảng được phân bố theo 3 cụm cảng lớn là miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

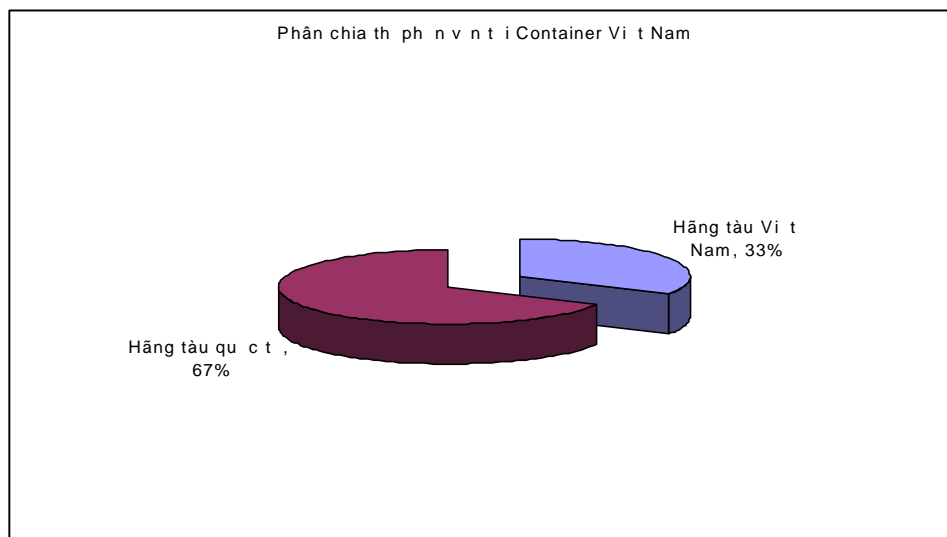
Tuy nhiên, đa số là cảng nhỏ, không có cảng nào có thể đón nhận tàu thu gom loại trung bình thế giới có trọng tải 50.000 tấn hoặc 2.000 TEU. Tại khu vực miền Bắc, có 9 cảng đang hoạt động trong đó lớn nhất là cảng Hải Phòng với khả năng đón tàu 40.000 DWT. (Deadweight tonnage, chỉ số năng lực vận chuyển của tàu bao gồm trọng lượng hàng hóa, hành khách, hàng hóa, dầu, nhiên liệu và kho hàng).

Trong những năm gần đây nhất là sau khi Việt Nam gia nhập WTO khi việc hàng hóa thông qua các cảng đã tăng nhanh chóng. Năm 2006 khi lượng tàu 154,5 triệu tấn, tăng 11,02% so với năm 2005, trong đó hàng container là 3,42 triệu TEUs, tăng 17,51%, hàng khô là 67,8 triệu tấn, tăng 11,84%. Một số khu vực, kết quả hoạt động vận tải xa so với quy hoạch, đã báo trước. Cụ thể, khu vực cảng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2006 xếp đầu là 79.3 triệu tấn hàng, trong khi dự báo năm 2010 chỉ là 53 triệu tấn. Khi việc hàng hóa thông qua các cảng trên địa bàn Hải Phòng 10 tháng đầu năm 2007 tăng mạnh, với giá trị 18,5 triệu tấn, tăng 26,7% cùng kỳ năm trước.

2.2. Vận tải container

Vận tải hàng hóa container là phương thức vận chuyển hàng hóa chuyên dụng dài hạn nhất trên thế giới. Theo đó, hàng hóa được đóng gói trong các container để thuận tiện hóa vận chuyển và vận chuyển bằng tàu biển, xe lửa hoặc xe tải chuyên dùng. Tàu biển chiếm ưu thế lớn nhất về chi phí vận tải. Container chủ yếu vận chuyển bằng xe tải và vận chuyển bằng đường biển, nhưng là một phương tiện vận chuyển hàng hóa quan trọng. Chính vì vậy, có thể nói phần bán lẻ nhất trong ngành vận tải container nằm chủ yếu ở các hãng tàu. Các hãng xe container đóng vai trò là một dịch vụ hỗ trợ giúp khép kín chuỗi dịch vụ cung ứng-huấn luyện nhân lực là một ngành kinh doanh thực sự.

Hình 2: Phân chia thị phần vận tải Container Việt Nam - 2007



Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Các hãng tàu trong nước chỉ chiếm 33% thị phần vận tải container trong biển, phần còn lại do các hãng tàu nước ngoài chiếm giữ.

Khối lượng container vận tải của hãng tàu biển Việt Nam tăng trong năm 2006 là 1,14 triệu TEU. Nếu so sánh với container hàng hóa qua các cảng thì có thể thấy, các hãng tàu trong nước chỉ chiếm 33% thị phần vận tải container trong biển, phần còn lại do các hãng tàu nước ngoài chiếm giữ. Điều này chứng tỏ hiệu quả vận tải container đòi hỏi tàu chuyên dụng với mức đầu tư ban đầu lớn, trong khi hãng tàu trong nước chủ yếu là tàu nhỏ, không phù hợp với các tuyến dài mà chủ yếu vận chuyển hàng và các tuyến ngắn trong khu vực. Vào thời điểm tháng 10/2005 Việt Nam chỉ có 20 tàu container chiếm 6,2% tổng thị trường hãng tàu. Con số hiện tại tuy cao hơn nhưng chủ yếu vẫn còn khiêm tốn mà chưa có sự liên tục phát triển. Ngay cả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với hãng tàu lớn nhất cũng chỉ có 11/112 tàu là tàu container vận tải tổng cộng 7.994 TEU.

Nhìn chung, vận tải container trong biển là một thị trường khá tiềm năng. Các doanh nghiệp đã có sẵn các dịch vụ kho vận với hạ tầng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ càng phát triển thì mức đầu tư ứng dụng cho hãng tàu vận tải biển.

2.3. Kho vận

Kho vận bao gồm tất cả các dịch vụ liên quan đến vận chuyển, bốc xếp, kho bãi, giao nhận, logistics vận chuyển hàng hóa.

Kho vận bao gồm tất cả các dịch vụ liên quan đến vận chuyển, bốc xếp, kho bãi, giao nhận, logistics vận chuyển hàng hóa. Hiện nay có khoảng 1.000 doanh nghiệp tham gia kinh doanh thị trường kho vận, mức cạnh tranh rất gay gắt. Tuy nhiên, phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các dịch vụ logistics, giao nhận là chính, ít doanh nghiệp có đầu tư cơ sở vật chất kho, bãi, máy móc thiết bị. Vài năm gần đây, liên tục có hàng loạt doanh nghiệp ngày càng giảm sút và đóng cửa xu hướng này vẫn còn tiếp tục trong tương lai. Các doanh nghiệp phần lớn ngày càng ít phụ thuộc vào hoạt động logistics và bắt đầu chú trọng hơn vào các dịch vụ kho vận khác, dĩ nhiên là điều này đòi hỏi phải đầu tư ứng dụng mà không phải doanh nghiệp nào cũng làm được.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN



2.4. Tri n v ng phát tri n

V i m c t ng tr ng kinh t n nh trong th i gian qua và d i k i n s t i p t c v i t c kho ng 7 - 8% trong vòng 5 n m n a, kim ng ch xu t nh p kh u hàng hóa s t i p t c t ng t 15 -20%/n m. i u này có ngh a là Kh i l ng container qua các c ng s t ng t 20 -25%/n m, th m chí cao h n các khu v c tr ng i m m i n Nam và H i Phòng.

B ng 1. D báo t ng tr ng ngành v n t i bi n

D báo t ng tr ng ngành v n t i bi n								
	VT	2000	2005	2006	CAGR	2007e	2010f	CAGR
T c t ng GDP	T USD	5.5%	8.4%	8.2%	7.2%	6.5%	8.0%	8.0%
Xu t kh u	T USD	14.5	32.4	39.6	18.3%	48.4	82.2	19.3%
Nh p kh u	Tr. T n	15.6	37	48.8	19.3%	60.8	99.9	18.0%
S n l ng hàng hóa qua c ng	Tr. T n	83	139.2	154.5	10.9%	181.1	250	11.3%
S n l ng v n t i bi n	Tr. T n	18.7	42.6	49.5	17.6%	61.3	108.6	21.0%
Tr ng t i i tàu Vi t Nam	Tr. T n	1.5	3.1	3.4	14.8%	4.3	6.5	14.8%
Tu i tàu trung bình	N m	21	17	17		16	14.5	
Th ph n V.C hàng XNK		13.5%	17.0%	20.0%		20.0%	25.0%	

Ngu n: C c hàng h i Vi t Nam, Công ty c ph n ch ng khoán Artex.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

Năng lực hệ thống cảng biển Việt Nam phát triển gấp 2 lần so với hệ thống vào năm 2010 và gấp 4 lần vào năm 2020 mới có thể đáp ứng yêu cầu hàng hóa thông qua.

D báo minh chứng rằng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2010 là 265 triệu tấn/năm và năm 2020 là 480 triệu tấn/năm. Riêng khu vực Hải Phòng, năm 2010 khi là ngành hàng hóa thông qua cảng có thể đạt 17.3-21.8 triệu tấn. Năng lực hệ thống cảng biển Việt Nam phát triển gấp 2 lần so với hệ thống vào năm 2010 và gấp 4 lần vào năm 2020 mới có thể đáp ứng yêu cầu hàng hóa thông qua. Kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển cũng quy hoạch ngành hàng hải năm 2010 và tầm nhìn năm 2020 đã được chính phủ phê duyệt. Trong thực tế, việc phát triển cảng biển, nhất là các cảng lớn, theo hướng kết hợp vận tải biển và vận tải hàng không (Nguồn: VBF). Tuy nhiên, có thể đoán trong 3 năm tới, các cảng biển hiện tại, nhất là các cảng đang hoạt động hiện tại sẽ thu hút các hàng hóa bất chấp quy mô nhỏ.

3. Doanh thu ngành và xu hướng tăng trưởng

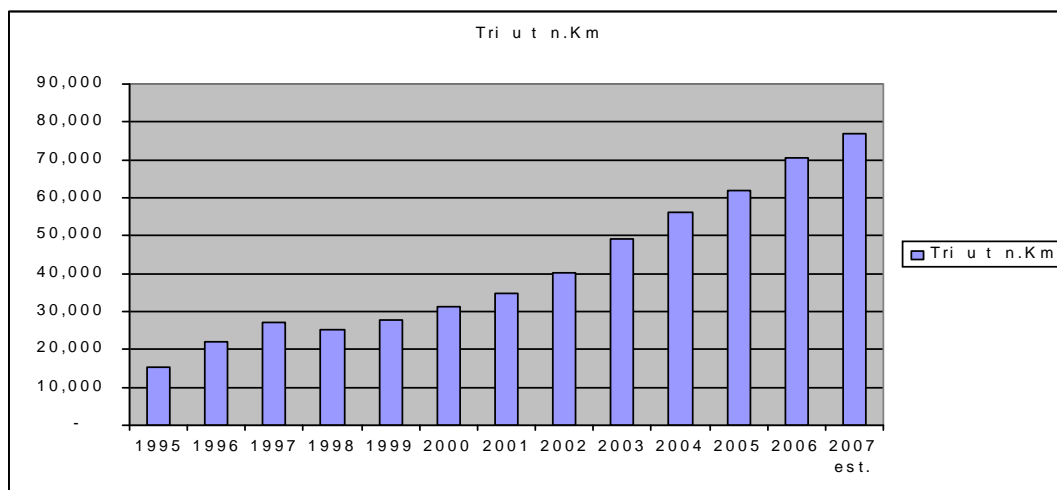
3.1. Xu hướng tăng trưởng

Năm 2008, chỉ tiêu của toàn ngành là tăng trưởng vận chuyển hàng hóa 20% so với năm 2007.

Theo thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, khi là ngành vận tải biển năm 2007 tăng khoảng 59.376.000 tấn hàng hóa, tăng 20% so với năm 2006. Trong đó, vận chuyển container đạt 1.347.000 TEU, tăng 21%; vận tải biển ngoài khơi đạt 44.286.000 tấn và vận tải trong nước đạt 15.090.000 tấn. Năm 2008, chỉ tiêu của toàn ngành là tăng trưởng vận chuyển hàng hóa 20% so với năm ngoái.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê về khi là ngành hàng hóa vận chuyển bằng đường biển của các công ty kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển và các doanh nghiệp khác thì khi là ngành vận chuyển sẽ tăng mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Hình 3: Biểu đồ tăng trưởng khi là ngành vận chuyển hàng hóa đường biển



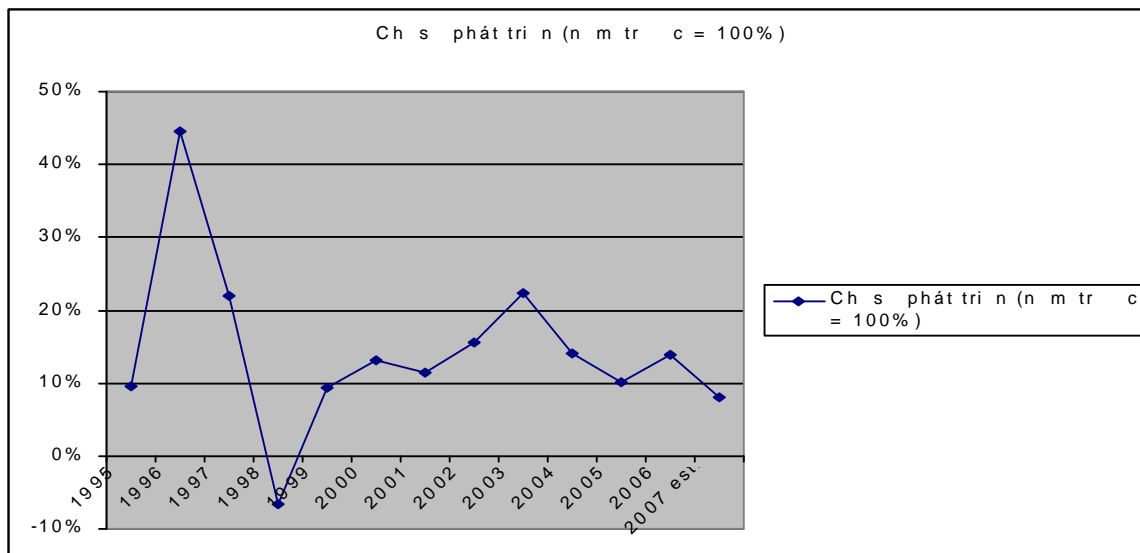
Nguồn: Tổng cục thống kê

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

Tốc độ tăng trưởng qua các năm liên tiếp không ổn định.

Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng qua các năm liên tiếp không ổn định. Năm 1996, tốc độ tăng trưởng khi liên ngành vận chuyển tăng rất mạnh (tăng 45%), tuy nhiên tốc độ tăng trưởng đã giảm liên tiếp trong năm 1998 và tăng giảm 10% năm trong năm nay.

Hình 4: Tốc độ tăng trưởng khi liên ngành vận chuyển biển (gốc 1995)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm kéo theo nhu cầu vận tải biển giảm mạnh

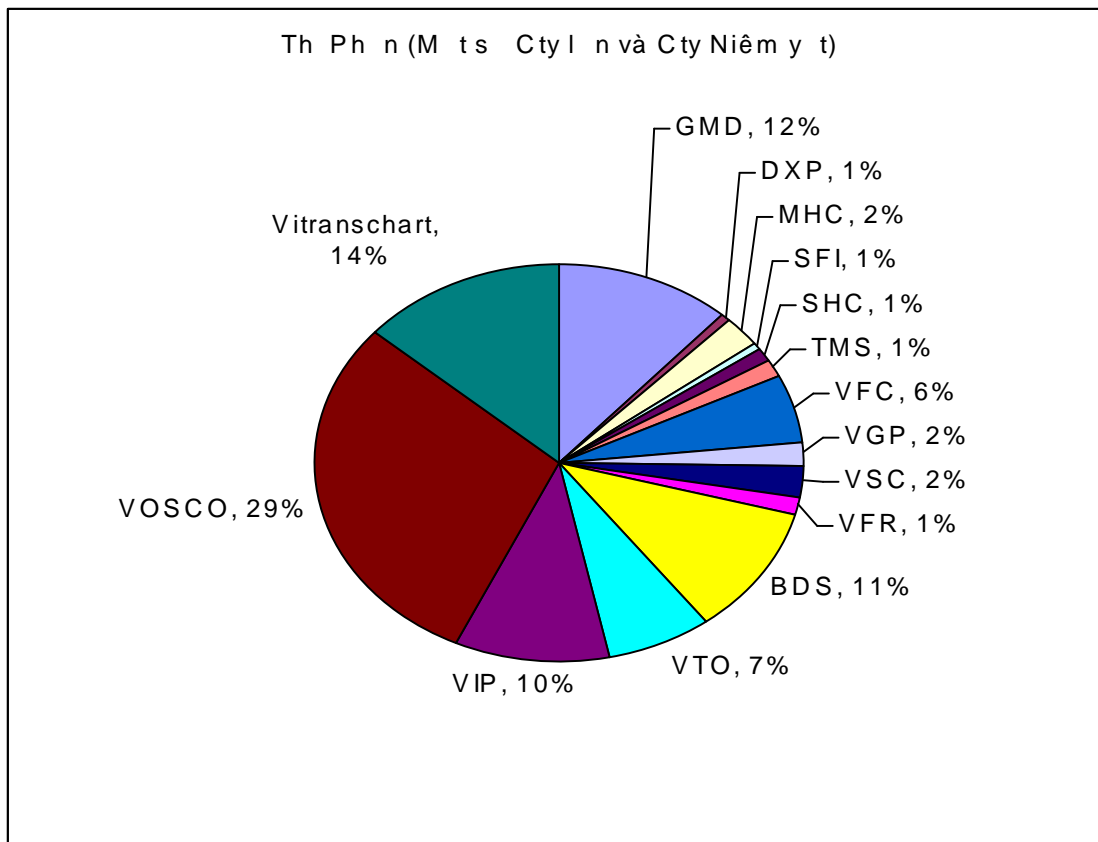
Trước mắt, do xu hướng suy thoái của nền kinh tế thế giới, lạm phát cao, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm kéo theo nhu cầu vận tải biển giảm mạnh. Thêm vào đó, giá dầu tăng mạnh khiến chi phí vận tải biển tăng cao làm giảm tính cạnh tranh của ngành liên ngành. Chính vì vậy, doanh thu vận tải biển trong năm nay sẽ khó đạt mức tăng trưởng 20%. Đây là vấn đề chung của các nước trên thế giới và trong khu vực, một ví dụ gần đây nhất là vì chính phủ Trung Quốc đã tăng giá cước hàng hải 80 tàu container.

3.2. Thập niên

VOSCO là một trong những doanh nghiệp lớn trong ngành vận tải biển

Công Ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) là một trong những doanh nghiệp lớn trong ngành vận tải biển, với doanh thu vận tải hàng năm lên đến gần 3.000 tỷ đồng. Trong những năm gần đây, VOSCO đã mạnh dạn đầu tư nhằm hiện đại hóa đội tàu vận chuyển, đặc biệt, năm 2007 đã đầu tư mua thêm 3 tàu trọng tải lớn, tàu vận chuyển hàng 2,5 vạn tấn, tàu vận chuyển dầu sản phẩm 5 vạn tấn, góp phần tăng doanh thu, khi liên ngành vận chuyển và hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện nay, VOSCO có 28 tàu container với tổng trọng tải gần 500.000 tấn. Dự kiến vào năm 2008, tổng khi liên ngành vận chuyển đạt 6.500.000 tấn.

Hình 5: Thành phần (theo doanh thu) của các Công ty vận tải biển và Công ty niêm yết



Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Kênh là công ty vận tải biển và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart), với 18 tàu chở hàng và tổng trọng tải khoảng 300.000 tấn. Trong năm 2007, công ty này đạt doanh thu 1.400 tỷ đồng, chiếm 14% doanh thu vận tải biển trong số các doanh nghiệp vận tải biển so sánh.

Ngoài ra phải kể đến các công ty vận tải biển niêm yết là VIP (10%), VTO (7%) và Công ty vận tải Biển Đông (BDS) với doanh thu chiếm 11%.

Các công ty có uy tín trong lĩnh vực vận tải biển như quy mô hàng đầu là Falcom, Vinaship, VTB Vinalines.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

Bảng 2: Danh sách các công ty vận tải biển nội địa và các Công ty Vận tải Biển quốc tế

STT	Mã	Tên Công ty
1	GMD	Công ty Cổ phần Logistics Liên hiệp Vận chuyển
2	DXP	Công ty Cảng biển Xá
3	MHC	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội
4	SFI	Công ty Cổ phần Logistics SAFI
5	SHC	Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn
6	TMS	Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương
7	VFC	Công ty Cổ phần Vinafco
8	VGP	Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả
9	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam
10	VFR	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu
11	BDS	Công ty vận tải Biển Đông
12	VTO	Công ty cổ phần vận tải hàng dầu Vitaco
13	VIP	Công ty cổ phần vận tải hàng dầu VIPCO
14	VOSCO	Công ty vận tải biển Việt Nam
15	VITRANSCHART	Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

3. Các chỉ số tài chính của các công ty vận tải biển quốc tế

Theo tính toán VTO và VSC từ số liệu nhu cầu sau thuế trên doanh thu thuần là 25%.

Vì nguồn số liệu từ các công ty trong ngành vận tải biển hàng năm trên sàn, Artex tính toán một số chỉ tiêu tài chính năm 2007 của các công ty này nêu trên. Theo số liệu tính toán, VTO (Công ty cổ phần vận tải hàng dầu Vitaco) và VSC (Công ty cổ phần Container Việt Nam) có hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Cả hai công ty này từ số liệu nhu cầu sau thuế trên doanh thu thuần là 25%.

Các thủ tục ngành vận tải biển là rất đơn giản trên vận chuyển hàng hóa, hệ thống thanh toán ngắn hạn tốt (lần đầu tiên), nhưng hệ thống thanh toán nhanh chóng.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

B ng 3 : M t s ch tiêu tài chính các công ty niêm y t – 2007.

CÁC CH S	GMD	DXP	MHC	SFI	SHC	TMS	VFC	VGP	VSC	VFR	VTO	TB ngành
Ch tiêu v kh n ng thanh toán												
H s thanh toán ng n h n(Quý IV)	2.43	2.20	1.38	0.85	1.61	4.79	1.10	3.40	2.19	1.21	2.77	2.79
H s thanh toán nhanh(Quý IV)	0.80	0.30	0.33	0.55	0.40	0.83	0.23	2.33	0.46	0.82	0.28	0.53
Ch tiêu v c c u v n												
H s n /T ng tài s n (Quý IV)	0.26	0.38	0.50	0.80	0.61	0.16	0.62	0.25	0.37	0.47	0.67	0.54
H s n /V n ch s h u(Quý IV)	0.35	0.61	1.01	4.30	1.54	0.19	1.65	0.34	0.59	0.90	2.05	2.71
Ch tiêu v n ng l cho t ng												
Vòng quay t ng tài s n (Quý IV)	0.14	0.19	0.23	0.09	0.18	0.18	0.60	0.14	0.20	0.11	0.11	0.21
Vòng quay tài s n c nh(Quý IV)	0.43	0.26	0.47	0.23	0.41	0.36	1.75	1.03	0.52	0.28	0.13	1.23
Vòng quay các kho n ph i thu(Quý IV)	1.23	1.30	1.20	0.55	1.57	4.87	2.26	0.75	0.76	0.71	1.85	
Vòng quay hàng t n kho(Quý IV)	65.89	25.62	4.29	NA	382.95	14.39	4.02	9.17	21.79	NA	4.06	
Ch tiêu v kh n ng sinh l i												
EPS (n m 2007)	6797.62	2916.64	3630.97	3525.06	2520.37	2945.70	2596.42	3114.00	8291.34	1708.87	3319.00	4492.88
ROE(n m 2007)	12.92%	26.10%	26.93%	20.84%	12.09%	10.95%	15.70%	18.23%	NA	13.81%	NA	24.64%
ROA(n m 2007)	10.38%	15.20%	13.95%	3.97%	6.15%	8.73%	5.14%	12.24%	NA	7.23%	NA	9.09%
P/E(n m 2007)	9.19	6.86	5.04	12.77	10.24	22.07	13.48	9.63	7.90	11.18	7.50	14.97
LNST/DTT(n m 2007)	23.82%	20.97%	13.82%	NA	7.07%	12.35%	2.87%	7.13%	26.34%	17.43%	25.85%	17.74%

Ngu n: Công ty c ph n ch ng khoán Artex.

4. Phân tích r i ro

4.1. R i ro kinh t

T c t ng tr ng kinh t c a Vi t Nam nh h ng tr c ti p và m nh m n t c gia t ng nhu c u s d ng d ch v v n t i hàng h i

T c t ng tr ng kinh t c a Vi t Nam nh h ng tr c ti p và m nh m n t c gia t ng nhu c u s d ng d ch v v n t i hàng h i. c bi t Chính ph c ng ã có chỉ n l c phát tri n cho ngành hàng h i n giai o n 2010. Nh ng n m tr l i ây, Vi t Nam có t c t ng tr ng khá cao và n nh. Các chuyên gia phân tích u cho r ng, t c t ng tr ng GDP c a Vi t Nam duy trì m c 7% - 8% /n m trong các n m t i là hoàn toàn kh thi. M t khác, khi Vi t Nam gia nh p WTO s t o cho n n kinh t Vi t Nam ti p t c t ng tr ng cao nh ng c ng mang n nhi u thách th c trong quá trình c nh tranh. S phát tri n l c quan c a n n kinh t có nh h ng t t n s phát tri n c a ngành v n t i bi n

4.2. R i ro pháp lu t

V n t i bi n là ngành kinh t liên quan n môi tr ng lu t pháp c a nhi u qu c gia và các t ch c trên th gi i.

V n t i bi n là ngành kinh t liên quan n môi tr ng lu t pháp c a nhi u qu c gia và các t ch c trên th gi i. Vi t Nam, lu t và các v n b n d i lu t trong l nh v c này ang trong quá trình hoàn thi n, s thay i v m t chính sách luôn có th x y ra và khi x y ra thì s ít nhi u nh h ng n ho t ng qu n tr , kinh doanh c a doanh nghi p. Ngoài ra ho t ng kinh doanh trong l nh v c v n t i bi n c ng ch u nhi u nh h ng t các chính sách c a Nhà n c nh nh h ng phát tri n ngành hàng h i và nh ng tác ng khác nh bi n ng giá x ng d u .

CÁC CHỈ SỐ	Vấn đề	Yếu tố	Chỉ số thành phần	Tài chính
Chỉ tiêu và khối lượng thanh toán	Chỉ số			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Quý IV)	2.79	2.5	2.17	3.36
Hệ số thanh toán nhanh (Quý IV)	0.53	0.35	0.22	0.73
Chỉ tiêu và các yếu tố				
Hệ số nợ / Tổng tài sản (Quý IV)	0.54	0.35	0.36	0.49
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu (Quý IV)	2.71	1.07	0.78	1.71

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

Chỉ tiêu vận tải chung				
Vòng quay tài sản (Quý IV)	0.21	0.39	0.45	0.24
Vòng quay tài sản c nh(Quý IV)	1.23	1.99	2.47	2.86
Chỉ tiêu vận tải sinh lợi				
EPS (năm 2007)	4,492.88	6,112.27	4,925.26	5,867.94
ROE(năm 2007)	25%	24%	25%	24%
ROA(năm 2007)	9%	15%	16%	11%
P/E(năm 2007)	14.97	25.42	16.11	16.17
LNST/DTT(năm 2007)	18%	10%	10%	51%

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Các doanh nghiệp trong ngành vận tải biển có h s n trên vận tải biển và h s n trên tài sản cao hơn so với các ngành

Về cơ bản, nhìn chung các doanh nghiệp trong ngành vận tải biển có h s n trên vận tải biển và h s n trên tài sản cao hơn so với các ngành khác. Trong khi đó, ở các ngành khác h s n trên vận tải biển dao động từ 1 đến 2.71 lần, đây cũng là một đặc trưng riêng của ngành vận tải biển do giá trị tài sản đầu tư lớn.

Trong cơ cấu vốn của ngành vận tải biển, tỷ lệ nợ cao dẫn đến chi phí tài chính cao nên chỉ số EPS của ngành thấp hơn so với các ngành khác. Trong số các ngành nêu trên, ngành Tài chính có chỉ số EPS cao nhất, gần 6 ngàn đồng trên một cổ phiếu. Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu của ngành vận tải biển thấp nhất (18%) chỉ sau lĩnh vực tài chính là 51%.

6. Kết luận

Có thể nói ngành vận tải biển đang đứng trước cơ hội và thách thức lớn trong quá trình cùng thị trường phát triển kinh tế. Với các trọng tâm hàng hóa xuất nhập khẩu, ngành vận tải biển đang phải nỗ lực, nâng cao hiệu quả và năng lực vận tải đáp ứng nhu cầu trong nước và giá trị thị trường trên các cấp cạnh tranh của các công ty vận tải nước ngoài.

Tuy nhiên, với những phát triển ngành vận tải biển ứng dụng và công nghệ chính phủ, trong những thập kỷ tới ngành vận tải biển Việt Nam sẽ đứng vững và trở thành ngành kinh tế trọng điểm quốc gia.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Dàn tàu container Việt nam (39 tàu) (2007)

STT	Tên tàu	N m óng	Thông s			N i óng
			Capacity	NRT	DWT	
Công ty v n t i bi n V n Lang						
1	DIÊN H NG	1984	205 Teu	2,059	6,289	Nh t
2	V N PHONG	1983	594 Teu	4,344	11,235	Achentina
3	MÊ LINH	1983	594 Teu	4,344	11,235	Hàn Qu c
4	V N XUÂN	1984	594 Teu	4,344	11,235	Hàn Qu c
5	PHÚ M	1988	1,020 Teu	5,588	14,101	LB c
6	PHÚ TÂN (ORIENT)	1988	1,022 Teu	5,568	14,101	LB c
7	VN SAPPHIRE	1987	1,022 Teu	5,568	14,101	LB c
8	VINALINES PIONEER	1998	588 Teu	3,368	9,088	Nh t
INLACO H i Phòng						
1	V N LANG	1983	426 Teu	2,139	6,000	an M ch
2	H NG BÀNG	1984	426 Teu	2,139	6,000	an M ch
MARINA						
1	OCEAN PARK	1950	453 Teu	2,609	8,285	Nh t
2	OCEAN ASIA	1980	950 Teu		14.000	c
VINALINES HCM						
1	SENATOR (VNL STAR)	1993			26,456	Nh t
GERMADEPT						
1	PACIFIC PEARL	1999	699 Teu	3.158	9.125	Malaysia
2	PACIFIC GLORIA	1997	699 Teu	3.158	8.957	Malaysia
3	STELLAR PACIFIC	1984	576 Teu	3.610	9.125	Nh t
4	PACIFIC EXPRESS	1984	749 Teu	3.973	11.117	Nh t
Vinashin Lines						
1	Vinashin Dragon	2007	1,730 Teu	8,675	23,000	Vi t Nam
2	Vinashin Pacific	1985	1,113 Teu	5,353	16,030	c
3	Vinashin Liner 1	1996	420 Teu	2,338	7,040	Hàn Qu c
4	Vinashin Liner 2	1996	420 Teu	2,338	7,040	Hàn Qu c
VSICO						
1	VSICO PIONEER	1996	420 Teu		7,055	Hàn Qu c
Công ty Tr ãng H i – Chu Lai						
1	Tr ãng H i Star2	2007	68 Teu		3,582	Vi t Nam
Cty óng tàu & v n t i H i D ãng						
1	Vinashin Orient	2006	564 Teu		8,300	Vi t Nam
Công ty V n t i Bi n ãng						
1	H Tây	1978	420 Teu		12.665	c
2	V n Phúc	1996	420 Teu		6.832	Nh t B n
3	V n Lý	1994	420 Teu		6.832	Hàn Qu c
4	V n H ãng	1995	420 Teu		7.020	Nh t B n
5	Vinashin Maniner	2004	1,016 Teu		12.400	B.Lan – VN
6	Vinashin Navigator	2004	1,016 Teu		12.400	B.Lan – VN

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

7	Vinahsin Freighter	2005	610 Teu		7.143	B.Lan – VN
8	Vinashin Trader	2005	610 Teu		7.143	B.Lan – VN
9	Vinh An	2004	610 Teu		7.900	Nhà t B n
10	BienDong Star	2002	800 Teu		9.108	Nhà t B n
11	Vinashin Blue	2008	1,730 Teu	8,675	23,000	B.Lan – VN
12	Vinashin Sky	2008	1,730 Teu	8,675	23,000	B.Lan – VN
Vinafco						
1	Vinafco 25	1995	252 Teu	1,893	4,159	Hàn Quốc
	Vinafco 18	1986	240 Teu	1,524	3,219	Hàn Quốc
Công ty Hàng Hải công lập						
1	Hàng Hải Du	1998	561TEU		8,515	Nhà t
2	Hàng Hải Mai	1987	561TEU		8,515	Nhà t

Nguồn: Cục thống kê Việt Nam

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

Ph 1 c 2. Các hãng tàu - ch hàng Container (2007)

1	Cty TNHH Maersk Vi t Nam Ltd	28 Phùng Kh c Khoan, Qu n 1, TP HCM
2	Vietracht H i Phòng	35 Minh Khai, H i Phòng
3	i lý Hàng h i H i Phòng (Vosa)	25 i n Biên Ph , H i Phòng
4	Công ty TNHH VTB Ph ng Hoàng	T ng 2 s 27 Nguy n Trung Tr c - Q1 - TP. HCM
5	Chi nhánh Công ty INLACO Sài Gòn t i HP	Toà nhà Thành t - S 3 Lê Thánh Tông - H i Phòng
6	Chi nhánh Gemadept H i Phòng	282 à N ng, Ngô Quy n, H i Phòng
7	Công ty C ph n v n t i Vinafco	ng Ph m Hùng, xã M ình, T Liêm, Hà n i
8	Công ty V n t i Bi n ông	S 1 Thu Khuê, Qu n Tây H , Hà N i
9	Chi nhánh Cty Lâm Y n Thanh t i H i Phòng	66, Tr n Khánh D , H i Phòng
10	Chi nhánh Công ty SAFI t i H i Phòng	S 22 Lý t tr ng - H i Phòng
11	Cty i lý tàu bi n và Ti p v n Thái Bình D ng t i HP	S 16 Phó c Chính - Q1 - TP.H Chí Minh
12	Công ty i lý V n t i Qu c t Phía B c (Northfreight)	25 i n Biên Ph , H i Phòng
13	Công ty TNHH NYK line Vi t Nam	T ng 8 toà nhà Landmark - 5 Tôn c Th ng - Q1- HCM
14	Cty TNHH Giao nh n v n chuy n container qu c t (Infacon)	11 Võ Th Sáu, Ngô Quy n, H i Phòng
15	Công ty C ph n Container Vi t Nam (Viconship HP)	11 Võ Th Sáu, Ngô Quy n, H i Phòng
16	Chi nhánh Cty CP GNVN ngo i th ng TPHCM t i HP	115 ng bao Tr n H ng o, H i An, H i Phòng
17	Chi nhánh Cty CP i lý tàu bi n châu l c t i H i Phòng	Toà nhà Thành t - S 3 Lê Thánh Tông - H i Phòng
18	Công ty D ch v Hàng H i Ph ng ông (Orimas)	54 Lê L i, Ngô Quy n, H i Phòng
19	Công ty China Shipping Container Lines	T ng 10 - STC - S 37 Tôn c Th ng - Q1 – TP HCM
20	Công ty CP Hàng h i Hà N i	S 14 Tr n Bình Tr ng, Hoàn Kì m, Hà N i
21	Chi nhánh Cty Viconship SG t i H i Phòng	1B Tr n H ng o, H i Phòng
22	Công ty Mitsui O.S.K Lines Vi t Nam	T ng 10 - Sun Wah Tower -115 Nguy n Hu - Q1 -HCM
23	Chi nhánh Cty CP v n t i ngo i th ng vinafreight (jadine) t i H i Phòng	Toà nhà Tasa, km 104+200 ng Nguy n B nh Khiêm, ông H i, An H i, H i Phòng
24	Công ty liên doanh i lý v n t i COSFI	S 6A H Xuân H ng - Q1 - TP HCM
25	Chi nhánh Cty Transimex t i H i Phòng	S 2 Hoàng V n Th , H ng Bàng, H i Phòng
26	Cty TNHH APL - NOL Vi t nam	S 22 Ph m Ng c Th ch - Q3 - TP HCM
27	Chi nhánh Cty TNHH APS t i H i Phòng	216 Hai Bà Tr ng, H i Phòng
28	Cty LD Khai thác Container Vi t Nam (Vinabridge)	S 282, à N ng, H i Phòng
29	Chi nhánh Cty V n t i D u khí VN t i H i Phòng (Falcon)	S 88, i n Biên Ph , H ng Bàng, HP
30	Cty TNHH D ch v hàng h i JARDINE VN	Phòng 605 t ng 6, HARBOUR VIEW, S 35 Nguy n Hu - Q1 – TPHCM
31	C/N Cty TNHH V n t i và thuê tàu bi n VN t i H i Phòng (Vitranchart)	S 22, Lê i Hành, H i Phòng
32	Ga HP	S 75 L ng Khánh Thi n, H i Phòng

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGÀNH VẬN TẢI BIỂN

33	Cty Dịch vụ hàng hải Phòng	S 75 Lê Khánh Thiển, Hải Phòng
34	Cty TNHH Hải An	S 18/14/125 Tô Hữu, Hải Phòng
35	Chi nhánh Cty TNHH Transvina	S 280 Nguyễn Quý, Hải Phòng
36	Chi nhánh Cty TNHH tiếp vận hàng long tại Hải Phòng	S 5 Nguyễn Bao Trừng, Ông Hải, Hải An, HP
37	Chi nhánh Cty TNHH Giao nhận vận tải hàng hóa ITL	Toà nhà Thành Tín - S 3 Lê Thánh Tông - Hải Phòng
38	Công ty đóng tàu và vận tải Hải Đăng	Phường Ngã Sáu, TP Hải Đăng, Tỉnh Hải Đăng
39	Công ty CP dịch vụ hàng hải	S 89 Pasteur - Q1 - TP HCM
40	Công ty CP vận tải dịch vụ biển (Potraco)	S 231 Nguyễn Quý, Máy Chai, Hải Phòng
41	Xí nghiệp dịch vụ vận tải - Cty VTB Vinaship	S 1 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng
42	Chi nhánh Cty liên doanh Phili Orient Lines HN	S 99 Nguyễn Lê Duẩn - Hà Nội
43	Chi nhánh Cty TNHH Hubline VN tại Hải Phòng	Toà nhà Thành Tín - S 3 Lê Thánh Tông - Hải Phòng
44	Công ty TNHH Hapag - Lloyd Việt Nam	145 – 147 Nguyễn Tất Thành – Q4 - TP HCM
45	Công ty CP hàng hải Sài Gòn	S 422 Nguyễn Tất Thành - Q4 - TP HCM
46	Công ty XNK xi măng Hà Nội	S 228 Lê Duẩn - Ngã 6 - Hà Nội
47	Yang Ming Corporation (VN)	S 200 Nguyễn Biên Phủ - Q3 - TP HCM
48	Công ty TNHH Evergreen Việt Nam	Tầng 13 - STC - S 37 Tôn Đức Thắng - Q1 – TP HCM
49	Công ty TNHH Hanjin Việt Nam	Tầng 10 - STC - S 37 Tôn Đức Thắng - Q1 – TP HCM

Người: Công ty xi măng Việt Nam

Báo cáo phân tích của Artex chỉ dùng cho mục đích tham khảo. Quý khách không nên dựa vào những thông tin này cho bất kỳ mục đích gì, bao gồm, những không gì khác, vì các quy định của Artex / tác giả/nhà cung cấp dịch vụ của Artex không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về những thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, do bất kỳ lý do nào, do một tình huống bất ngờ hay mang tính ngẫu nhiên phát sinh, hoặc do liên hệ theo một cách nào đó vì các số liệu báo cáo của Artex hay dựa vào những thông tin được cung cấp trên đó.

© 2008 Công ty cổ phần chứng khoán Artex.

ARTEX SECURITIES CORPORATION. 2A PHAM SU MANH, HOAN KIEM, HA NOI, VIET NAM
Tel: +84 4 9 368 368 Fax: +84 4 9 368 367 Email: admin@artex.com.vn Website: www.artex.com.vn